

Always there to help you

Register your product and get support at
www.philips.com/welcome



DVP3000

DVP3010

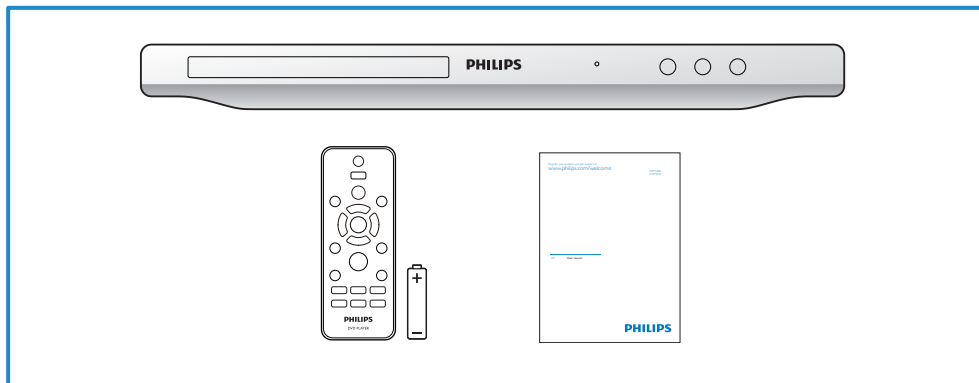


User manual	7	Hướng dẫn sử dụng	31
Buku Petunjuk Pengguna	19	使用手冊	43

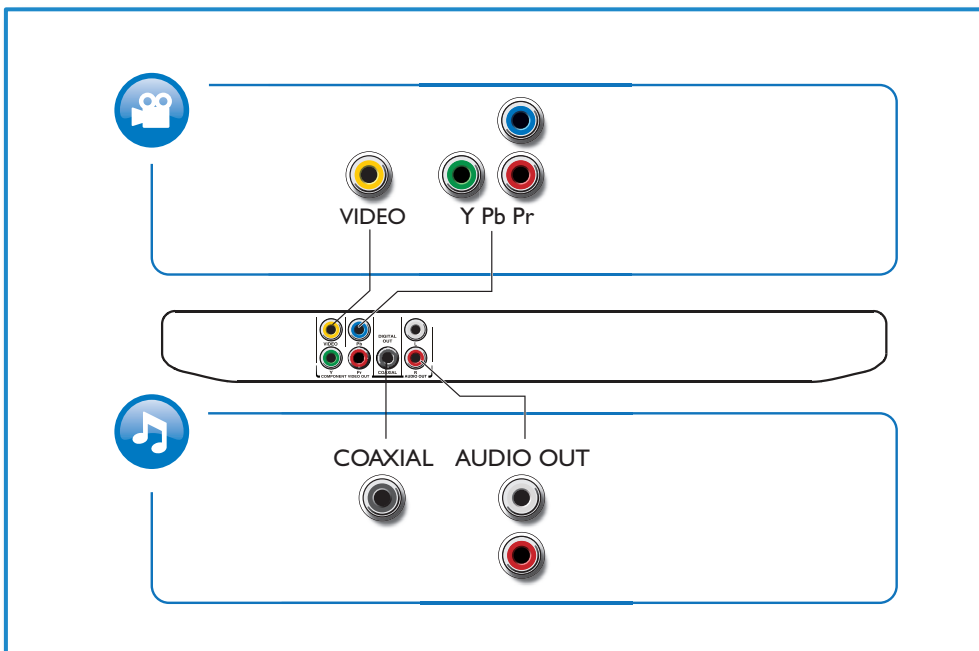
PHILIPS



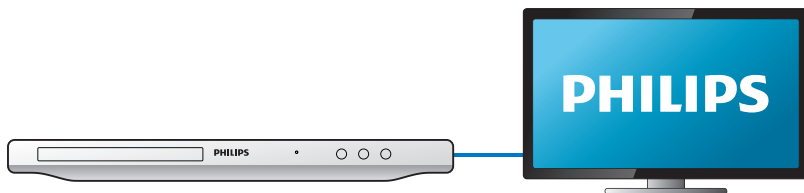
- EN Before you connect this DVD player, read and understand all accompanying instructions.
- ID Sebelum Anda menghubungkan pemutar DVD ini, bacalah dan pahami semua petunjuk yang menyertainya.
- VI Trước khi kết nối máy phát DVD này, hãy đọc và hiểu toàn bộ hướng dẫn đi kèm.
- ZH-TW 連接此 DVD 播放機前，請閱讀並瞭解所有隨附的指示。



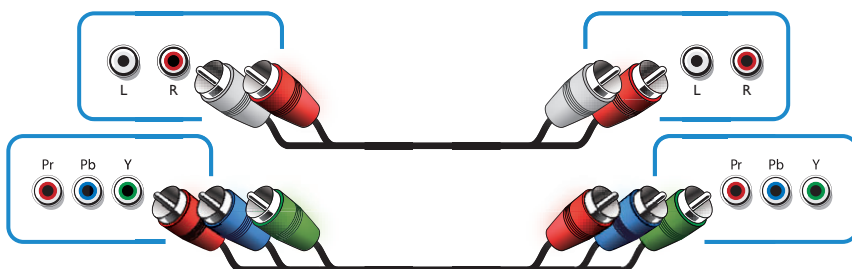
1



2



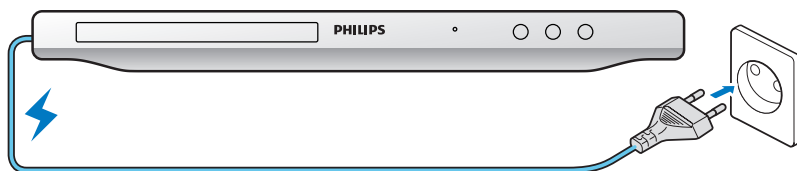
Pr Pb Y + AUDIO OUT



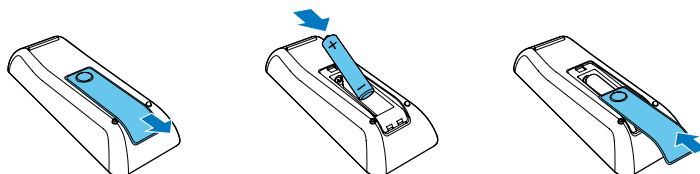
VIDEO + AUDIO OUT



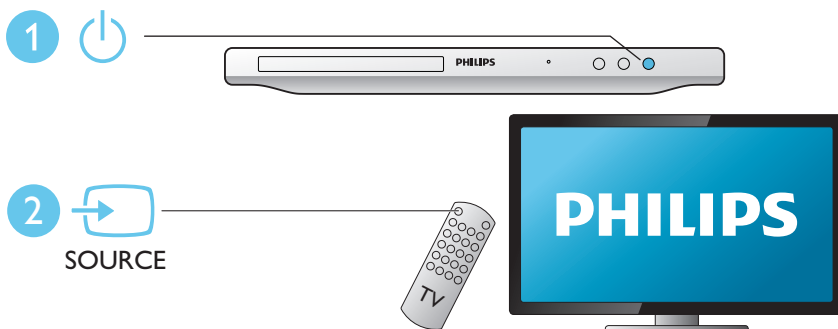
3

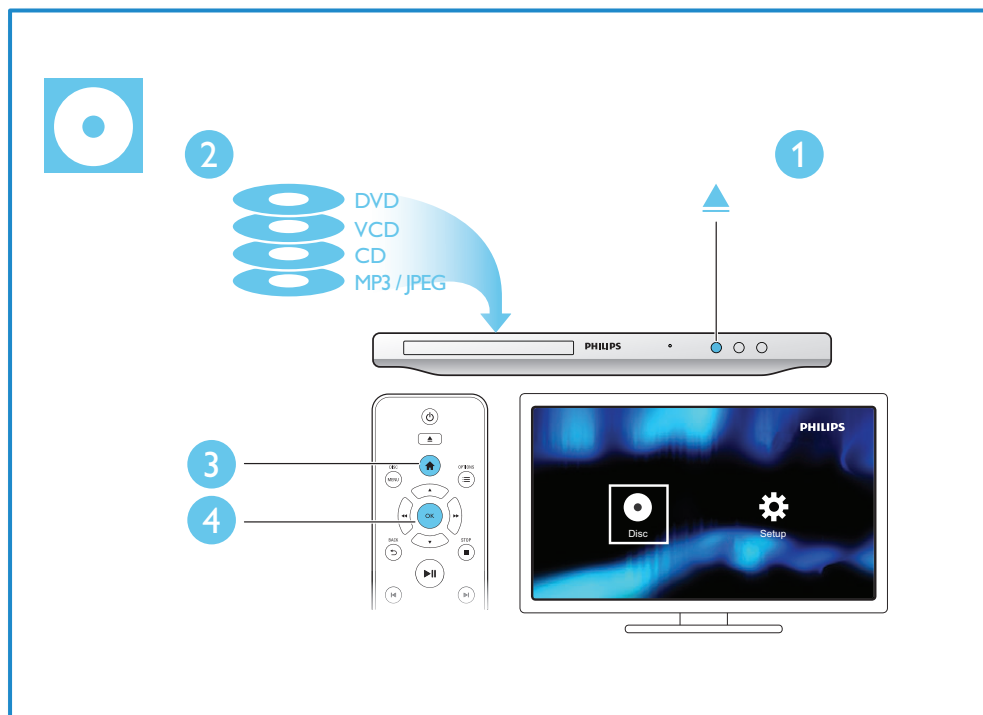


4



5





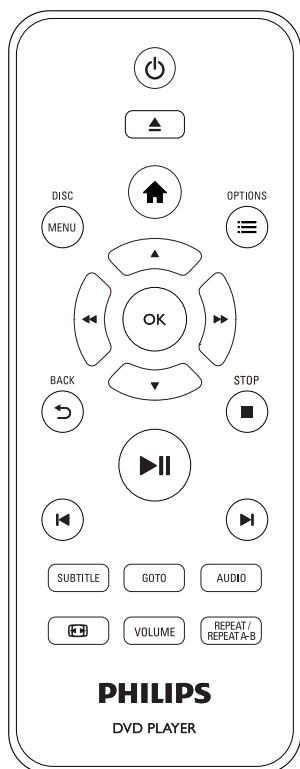
Mục lục

1	Kết nối và phát	2-6
2	Sử dụng máy phát DVD của bạn	32
	Điều khiển phát cơ bản	32
	Tùy chọn video	33
	Phát trình chiếu nhạc	33
	Phát lặp lại	33
	Bỏ qua việc phát	33
	Video DivX	34
3	Thay đổi cài đặt	35
	Chung (ngủ, chờ...)	35
	Hình ảnh	35
	Âm thanh	35
	Ưa thích (ngôn ngữ, kiểm soát của phụ huynh...)	36
4	Cập nhật phần mềm	37
5	Đặc tính kỹ thuật	37
6	Xử lý sự cố	38
7	Thông báo quan trọng và an toàn	39

2 Sử dụng máy phát DVD của bạn

Chúc mừng bạn đã mua hàng và chào mừng bạn đến với Philips! Để có được lợi ích đầy đủ từ sự hỗ trợ do Philips cung cấp, hãy đăng ký sản phẩm tại www.philips.com/welcome.

Điều khiển phát cơ bản



Trong khi phát, nhấn các nút sau để điều khiển máy phát.

Nút	Thao tác
	Bật máy phát, hoặc chuyển sang chế độ chờ.
	Mở hoặc đóng ngăn chứa đĩa.
	Truy cập menu chính.
DISC MENU	Truy cập hoặc thoát menu đĩa.
	Truy cập các tùy chọn khác trong khi phát video.
	Di chuyển trên menu. Tua tiến hoặc tua lùi chậm. Nhấn liên tục để thay đổi tốc độ tìm kiếm.
	Di chuyển trên menu. Tua tiến hoặc tua lùi nhanh. Nhấn liên tục để thay đổi tốc độ tìm kiếm.
OK	Xác nhận lựa chọn hoặc dữ liệu nhập.
BACK	Quay lại menu hiển thị trước.
STOP	Ngừng phát.
	Bắt đầu, tạm dừng hoặc tiếp tục phát.
	Chuyển đến bài hát, chương hoặc tệp trước hoặc sau.
SUBTITLE	Chọn ngôn ngữ phụ đề.
GOTO	Chuyển đến một tiêu đề, chương hoặc bài hát.
AUDIO	Chọn ngôn ngữ âm thanh hoặc kênh.
	Thay đổi hiển thị hình ảnh cho vừa với màn hình TV. Phóng to hoặc thu nhỏ hình ảnh.
VOLUME	Kích hoạt điều khiển âm lượng, sau đó nhấn để thay đổi mức âm lượng.
REPEAT/REPEAT A-B	Chọn tùy chọn phát lặp lại.

Tùy chọn video

Trong khi phát video, nhấn **≡** **OPTIONS** để truy cập các tùy chọn sau.

- **[Info]**: Hiển thị thông tin phát hiện tại.
- **[PBC]**: Hiển thị hoặc bỏ qua menu nội dung cho VCD và SVCD.
- **[Aspect ratio]**: Chọn định dạng hiển thị hình ảnh vừa với màn hình TV.
- **[Volume]**: Thay đổi mức âm lượng.
- **[Angle]**: Chọn góc camera có video được xem từ góc này.

Phát trình chiếu nhạc

Phát nhạc và hình ảnh đồng thời để tạo nội dung trình chiếu nhạc.

- 1 Phát một tệp tin nhạc từ đĩa.
- 2 Nhấn **▲ ▼** để chuyển đến các tệp hình ảnh.
- 3 Chọn một hình ảnh từ cùng đĩa và nhấn **OK** để bắt đầu trình chiếu.
- 4 Nhấn **■** để ngừng trình chiếu.
- 5 Nhấn lại **■** để ngừng phát nhạc.

Điều khiển phát ảnh

Trong khi trình chiếu ảnh, sử dụng điều khiển từ xa để điều khiển quá trình phát.

Nút	Thao tác
▲ ▼	Xoay hình ảnh theo chiều ngang/ dọc.
◀▶	Xoay hình ảnh ngược chiều/ cùng chiều kim đồng hồ.
≡ OPTIONS	Truy cập để chọn [Color] để hiển thị hình ảnh ở chế độ màu hoặc đen trắng. Truy cập để chọn [Photo preview] để hiển thị hình ảnh ở chế độ thu nhỏ.

(C)	Phóng to hoặc thu nhỏ ảnh. Tạm dừng phát ở chế độ thu phóng.
OK	Bắt đầu hoặc tiếp tục phát.
■	Ngừng phát.

Phát lặp lại

Trong khi phát, nhấn **REPEAT/REPEAT A-B** liên tục để chọn tùy chọn phát lặp lại.

- Lặp lại tiêu đề, chương hoặc bài hát hiện tại.
- Lặp lại toàn bộ nội dung trên đĩa.
- Phát lặp lại một đoạn nhất định.

Để phát lặp lại một đoạn nhất định

- 1 Nhấn **REPEAT/REPEAT A-B** liên tục để chọn **↺A** làm điểm bắt đầu.
- 2 Nhấn lại **REPEAT/REPEAT A-B** và chọn **↻AB** làm điểm kết thúc.
↪ Việc phát lặp lại của đoạn được đánh dấu sẽ bắt đầu.
- 3 Để hủy phát lặp lại, nhấn **REPEAT/REPEAT A-B** cho đến khi **[Off]** được hiển thị.



Ghi chú

- Việc phát lặp lại của đoạn được đánh dấu chỉ có thể trong một tiêu đề hoặc bài hát.

Bỏ qua việc phát

Bạn có thể bỏ qua việc phát đến một tiêu đề, chương hoặc bài hát nhất định.

- 1 Trong khi phát, nhấn **GOTO**.
↪ Thanh nhập liệu được hiển thị, và "0" nhấp nháy.
- 2 Nhấn **▲ ▼** để chọn một chữ số là tiêu đề, chương hoặc bài hát.

- 3 Sau khi chọn chữ số, nhấn ◀▶ để thay đổi vị trí của chữ số.
- 4 Nếu cần, thực hiện bước 2 và 3 để hoàn thành việc nhập mã số tiêu đề, chương hoặc bài hát.
- 5 Nhấn OK.
 - ↳ Chức năng phát chuyển đến tiêu đề, chương hoặc bài hát đã chọn.



Ghi chú

- Để sử dụng phụ đề, đảm bảo rằng tệp phụ đề có cùng tên với tệp video DivX. Ví dụ: nếu tệp video DivX có tên là "movie.avi", hãy lưu tệp phụ đề là "movie.srt" hoặc "movie.sub".
- Máy phát có thể phát các tệp phụ đề có định dạng sau: .srt, .sub, .txt, .ssa và .smi.

Video DivX

Bạn có thể phát video DivX từ đĩa.

Mã VOD cho DivX

- Trước khi mua video DivX và phát trên máy phát, hãy vào vod.divx.com để đăng ký máy phát này sử dụng mã DivX VOD.
- Hiện thị mã DivX VOD: nhấn và chọn [Setup] > [General] > [DivX(R) VOD Code].

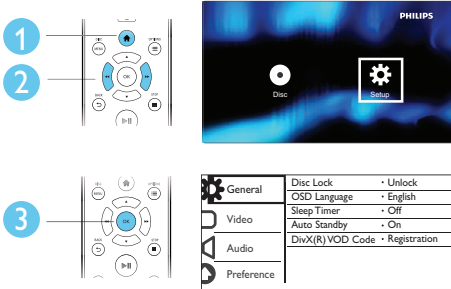
Phụ đề DivX

- Nhấn **SUBTITLE** để chọn ngôn ngữ.
- Nếu phụ đề không được hiển thị chính xác, hãy đổi sang bộ mã ký tự hỗ trợ phụ đề DivX. Chọn bộ mã ký tự: nhấn và chọn [Setup] > [Preferences] > [DivX Subtitle].

Bộ mã ký tự	Ngôn ngữ
[Standard]	Tiếng Anh, Tiếng Albania, Tiếng Đan Mạch, Tiếng Hà Lan, Tiếng Phần Lan, Tiếng Pháp, Tiếng Xen-tơ, Tiếng Đức, Tiếng Ý, Tiếng Iran của người Kurd (Latin), Tiếng Na Uy, Tiếng Bồ Đào Nha, Tiếng Tây Ban Nha, Tiếng Thụy Điển và Tiếng Thổ Nhĩ Kỳ
[Tiếng Hebrew]	Tiếng Anh và Tiếng Hebrew
[Chinese-Traditional]	Tiếng Trung Phồn Thể

3 Thay đổi cài đặt

Phần này giúp bạn thay đổi cài đặt của máy phát.



Ghi chú

- Bạn không thể thay đổi tùy chọn menu được hiển thị xám.
- Để truy cập **[Preferences]**, ngừng việc phát đĩa.
- Để quay lại menu trước, nhấn **↶**. Để thoát menu, nhấn **⬆**.

Chung (ngủ, chờ...)

- 1 Nhấn **⬆**.
- 2 Nhấn **[Setup]** > **[General]** để truy cập tùy chọn cài đặt chung.
 - [Disc Lock]**: Khóa hoặc mở khóa đĩa để phát. Để phát đĩa đã bị khóa, bạn cần nhập mật khẩu của bạn: bấm **▲▼** để nhập một chữ số, và bấm **◀▶** để thay đổi vị trí chữ số. Mật khẩu mặc định là "136900".
 - [OSD Language]**: Chọn ngôn ngữ cho menu trên màn hình.
 - [Sleep Timer]**: Đặt khoảng thời gian để máy phát này tự động chuyển sang chế độ chờ từ chế độ phát.
 - [Auto Standby]**: Bật hoặc tắt chế độ chờ tự động. Nếu bật, máy phát này tự động chuyển sang chế độ chờ sau 15

phút không hoạt động (ví dụ: ở chế độ tạm dừng hoặc dừng).

- [DivX(R) VOD Code]**: Hiển thị mã đăng ký DivX® và mã hủy đăng ký.

Hình ảnh

- 1 Nhấn **⬆**.
- 2 Nhấn **[Setup]** > **[Video]** để truy cập tùy chọn cài đặt video.
 - [TV System]**: Chọn hệ TV phù hợp với TV của bạn. Theo mặc định, cài đặt này phù hợp với các loại TV thông dụng tại quốc gia của bạn.
 - [Aspect ratio]**: Chọn định dạng hiển thị hình ảnh vừa với màn hình TV.
 - [Progressive]**: Bật hoặc tắt chế độ quét liên tục. Nếu TV kiểu quét liên tục được nối với máy phát này, hãy bật chế độ quét liên tục.
 - [Picture Setting]**: Chọn cài đặt màu đặt sẵn hoặc tùy chỉnh một cài đặt.

Ghi chú

- Để nhận hình ảnh quét liên tục, đảm bảo rằng TV của bạn hỗ trợ tính năng quét liên tục và TV được nối với máy phát thông qua đầu nối **Y/Pb/Pr**.

Âm thanh

- 1 Nhấn **⬆**.
- 2 Nhấn **[Setup]** > **[Audio]** để truy cập tùy chọn cài đặt âm thanh.
 - [Analogue Output]**: Chọn định dạng âm thanh cho đầu ra âm thanh khi máy phát được nối thông qua đầu nối **AUDIO OUT L/R**.
 - [Digital Audio]**: Chọn định dạng âm thanh cho đầu ra âm thanh khi máy phát được nối thông qua đầu nối **COAXIAL**.

- **[Digital Output]** - Chọn loại đầu ra kỹ thuật số: **[Off]** - Tắt đầu ra kỹ thuật số; **[All]** - Hỗ trợ các định dạng âm thanh đa kênh; **[PCM Only]** - Trộn xuống tín hiệu âm thanh hai kênh.
- **[LPCM Output]** - Chọn tốc độ lấy mẫu đầu ra LPCM (Linear Pulse Code Modulation). Tốc độ lấy mẫu càng cao, chất lượng âm thanh càng tốt. **[LPCM Output]** được bật chỉ khi **[PCM Only]** được chọn tại **[Digital Output]**.
- **[Volume]**: Thay đổi mức âm lượng.
- **[Sound Mode]**: Chọn hiệu ứng âm thanh đặt sẵn.
- **[Night Mode]**: Chọn âm thanh yên tĩnh hoặc động hoàn toàn. Chế độ ban đêm giảm âm lượng của âm thanh to và tăng âm lượng của âm thanh mềm (như lời nói).



Ghi chú

- Chế độ ban đêm chỉ có trên đĩa DVD mã hóa theo Dolby.

thái nhập liệu, nhấn **▲▼** để chọn một chữ số và nhấn **◀▶** để thay đổi vị trí của chữ số.

- **[PBC]**: Hiện thị hoặc bỏ qua menu nội dung cho VCD và SVCD.
- **[Password]**: Đặt hoặc thay đổi mật khẩu để phát đĩa bị hạn chế. Nhập "136900" nếu bạn không có hoặc đã quên mật khẩu.
- **[DivX Subtitle]**: Chọn bộ mã ký tự hỗ trợ phụ đề video DivX của bạn.
- **[Version Info]**: Hiện thị phiên bản phần mềm của máy phát này.
- **[Default]**: Đặt lại tất cả các cài đặt về mặc định nhà máy, trừ cài đặt cho **[Disc Lock]**, **[Parental Control]** và **[Password]**.



Ghi chú

- Nếu ngôn ngữ ưa thích của bạn không có cho ngôn ngữ của đĩa, âm thanh hoặc phụ đề, bạn có thể chọn **[Other]** từ tùy chọn menu và nhập mã ngôn ngữ 4 chữ số mà bạn có thể tìm thấy ở mặt sau của tài liệu hướng dẫn sử dụng này.
- Mức đánh giá tùy thuộc vào quốc gia. Để cho phép phát tất cả các đĩa, chọn **[8 Adult]**.

Ưa thích (ngôn ngữ, kiểm soát của phụ huynh...)

- 1 Nhấn **▲**.
- 2 Nhấn **[Setup]** > **[Preferences]** để truy cập tùy chọn cài đặt ưa thích.
 - **[Audio]**: Chọn ngôn ngữ âm thanh cho video.
 - **[Subtitle]**: Chọn ngôn ngữ phụ đề cho video.
 - **[Disc Menu]**: Chọn ngôn ngữ menu cho đĩa video.
 - **[Parental Control]**: Hạn chế truy cập đĩa được mã hóa cùng với mức đánh giá. Nhập "136900" để truy cập tùy chọn hạn chế: Khi trường mật khẩu được tô sáng, nhấn **OK** để nhập trạng

4 Cập nhật phần mềm



Ghi chú

- Không được ngắt nguồn điện trong quá trình cập nhật phần mềm.

Để kiểm tra cập nhật, hãy so sánh phiên bản phần mềm hiện tại của máy phát này với phiên bản phần mềm mới nhất (nếu có) tại trang web của Philips.

- 1 Nhấn
- 2 Chọn **[Setup]** > **[Preferences]** > **[Version Info]**, sau đó nhấn **OK**.
- 3 Viết ra tên kiểu và mã số phiên bản phần mềm.
- 4 Truy cập www.philips.com/support để kiểm tra phiên bản phần mềm mới nhất, sử dụng tên kiểu và mã số phiên bản phần mềm.
- 5 Hãy tham khảo hướng dẫn nâng cấp được cung cấp trên trang web để hoàn thành việc cập nhật phần mềm.

5 Đặc tính kỹ thuật



Ghi chú

- Các đặc tính kỹ thuật có thể được thay đổi mà không có thông báo trước.

Mã vùng

Máy phát này có thể phát đĩa với mã vùng sau.

Mã vùng	Quốc gia
DVD	
	Châu Á Thái Bình Dương, Đài Loan, Hàn Quốc

Media có thể phát

- DVD, DVD-Video, VCD, SVCD, Audio CD
- DVD+R/+RW, DVD-R/-RW, DVD+R/-R DL (Dual Layer), CD-R/-RW (tối đa 299 thư mục và 648 tệp)

Định dạng tệp

- Video: avi, .divx, .xvid
- Âm thanh: .mp3, .wma
- Hình ảnh: .jpg, .jpeg

Video

- Hệ tín hiệu: PAL, NTSC
- Đầu ra Composite video: 1 Vp-p (75 Ohm)
- Đầu ra Component video: 0,7 Vp-p (75 Ohm)

Âm thanh

- Đầu ra analog 2 kênh
 - Âm thanh phía trước L&R : 2 Vrms (47k Ohm)
- Đầu ra kỹ thuật số: 0,5 Vp-p (75 Ohm)
 - Đồng trục
- Tần số lấy mẫu:
 - MP3: 22,05 kHz, 24 kHz, 32 kHz, 44,1 kHz 48 kHz
 - WMA: 44,1 kHz, 48 kHz
- Tốc độ bit không đổi:
 - MP3: 8 kbps - 320 kbps

- WMA: 32 kbps - 192 kbps

Bộ phận chính

- Kích thước (Rộng x Cao x Sâu): 360 x 42 x 209 (mm)
- Trọng lượng thực: 1,28 kg

Công suất

- Định mức nguồn điện: AC 110-240V~, 50/60 Hz
- Công suất tiêu thụ: 8 W
- Công suất tiêu thụ ở chế độ chờ: 0,3 W

Phụ kiện đi kèm

- Bộ điều khiển từ xa và một pin
- Hướng dẫn sử dụng

Đặc tả kỹ thuật laser

- Loại: Laser bán dẫn InGaAlP (DVD), AlGaAs (CD)
- Chiều dài bước sóng: 658 nm (DVD), 790 nm (CD)
- Công suất đầu ra: 7,0 mW (DVD); 10,0 mW (VCD/CD)
- Độ phân kỳ tia sáng: 60 độ

6 Xử lý sự cố



Cảnh báo

- Nguy cơ điện giật. Không tháo vỏ của máy phát.

Để bảo hành còn hợp lệ, không tìm cách tự sửa máy phát.

Nếu bạn gặp vấn đề khi sử dụng máy phát này, hãy kiểm tra các điểm sau trước khi yêu cầu dịch vụ. Nếu bạn vẫn gặp vấn đề, hãy đăng ký máy phát của bạn và nhận hỗ trợ tại www.philips.com/support.

Nếu bạn liên hệ với Philips, bạn sẽ được hỏi về kiểu máy và số sê-ri của máy phát này. Mã số kiểu máy và số sê-ri có trên mặt sau của máy phát. Hãy viết các mã số này vào đây:

Số kiểu: _____

Số sê-ri: _____

Không có hình ảnh.

- Hãy tham khảo tài liệu hướng dẫn sử dụng TV để biết cách chọn đúng kênh đầu vào video.
- Nếu bạn đã bật chế độ quét liên tục hoặc đổi cài đặt hệ TV, hãy chuyển lại cài đặt mặc định: 1) Bấm **▲** để mở ngăn chứa đĩa. 2) Bấm **DISC MENU** (với chế độ quét liên tục) hoặc **SUBTITLE** (với hệ TV).

Không có âm thanh phát ra từ TV.

- Đảm bảo rằng cáp âm thanh được nối chính xác giữa máy phát và TV.

Không có âm thanh trong quá trình phát lại video DivX.

- Mã âm thanh không được hỗ trợ.

Không có âm thanh phát ra từ loa của thiết bị âm thanh nổi ngoài (ví dụ: hệ stereo, đầu thu khuếch đại).

- Đảm bảo rằng cáp âm thanh hoặc cáp đồng trục được nối chính xác.
- Chuyển thiết bị âm thanh ngoài về đúng nguồn âm thanh vào.

Không thể đọc đĩa.

- Đảm bảo rằng máy phát hỗ trợ đĩa này (xem "Đặc tả kỹ thuật" > "Media có thể phát được").
- Với đĩa được ghi lại, đảm bảo rằng đĩa đã được hoàn tất.

Không thể hiển thị hoặc đọc tệp.

- Đảm bảo rằng số tệp hoặc thư mục không vượt quá giới hạn hỗ trợ của máy phát này (tối đa 648 tệp hoặc 299 thư mục).
- Đảm bảo rằng máy phát hỗ trợ các tệp này (xem "Đặc tả kỹ thuật" > "Định dạng tệp").

Không thể phát tệp video DivX.

- Đảm bảo rằng tệp video DivX hoàn chỉnh.
- Đảm bảo rằng phần mở rộng tệp chính xác.

Không thể hiển thị chính xác phụ đề DivX.

- Đảm bảo rằng tệp phụ đề có cùng tên với tệp video DivX.
- Đảm bảo rằng tệp phụ đề có phần tên mở rộng được máy phát này hỗ trợ (.srt, .sub, .txt, .ssa, hoặc .smi).
- Chọn bộ mã ký tự hỗ trợ phụ đề (xem "Sử dụng máy phát DVD của bạn" > "Video DivX").

7 Thông báo quan trọng và an toàn

Đọc và hiểu toàn bộ hướng dẫn trước khi sử dụng máy phát DVD này. Mọi hư hỏng do không tuân thủ hướng dẫn sẽ không được bảo hành.

An toàn

Nguy cơ điện giật!

- Không để sản phẩm và phụ kiện tiếp xúc với mưa hoặc nước. Không đặt bình chứa chất lỏng, như bình hoa, gần sản phẩm. Nếu chất lỏng tràn lên hoặc vào sản phẩm, ngắt sản phẩm ra khỏi nguồn điện ngay lập tức. Hãy liên hệ với Bộ phận Chăm sóc Khách hàng của Philips để yêu cầu kiểm tra sản phẩm trước khi sử dụng.
- Không đặt sản phẩm và phụ kiện gần ngọn lửa hoặc các nguồn phát nhiệt khác, kể cả ánh sáng mặt trời trực tiếp.
- Không nhét vật thể vào khe thông gió hoặc các lỗ hở khác trên sản phẩm.
- Khi phích cắm hoặc bộ nối tiếp thiết bị được sử dụng như thiết bị rời, thiết bị rời sẽ vẫn sẵn sàng hoạt động.
- Không để pin (gói pin hoặc pin được lắp đặt) tiếp xúc với nguồn nhiệt quá cao như ánh nắng mặt trời, lửa hoặc tương tự.
- Ngắt sản phẩm ra khỏi nguồn điện trước khi có bão sét.
- Khi bạn ngắt cáp điện, luôn kéo phích cắm, không kéo dây cáp.

Rủi ro chập điện hoặc cháy!

- Trước khi nối sản phẩm với ổ cắm điện, đảm bảo rằng điện áp nguồn phù hợp với giá trị được in trên mặt sau của sản phẩm.
- Tránh ấn mạnh lên phích cắm điện. Phích cắm điện lỏng có thể gây hồ quang điện hoặc cháy.

Nguy cơ chấn thương hoặc gây hư hỏng cho sản phẩm!

- Để tránh tiếp xúc với bức xạ laser, không tháo máy.
- Không chạm vào ống kính quang học bên trong ngăn chứa đĩa.
- Không đặt sản phẩm hoặc bất kỳ vật nào khác lên dây điện hoặc thiết bị điện khác.
- Nếu sản phẩm được vận chuyển ở nhiệt độ dưới 5°C, mở gói sản phẩm và đợi cho đến khi nhiệt độ phù hợp với nhiệt độ trong phòng trước khi nối máy với ổ cắm điện.

Rủi ro quá nhiệt!

- Không lắp đặt sản phẩm trong không gian kín. Luôn chừa một khoảng trống tối thiểu bốn inch xung quanh sản phẩm để thông gió. Đảm bảo rằng rèm và các vật dụng khác không che phủ khe thông gió trên sản phẩm.

Nguy cơ nhiễm bẩn!

- Tháo pin khi pin hết hoặc nếu không sử dụng bộ điều khiển từ xa trong thời gian dài.
- Pin chứa hóa chất. Phải vứt bỏ chúng đúng cách.

Rủi ro nuốt phải pin!

- Sản phẩm/bộ điều khiển từ xa có thể có pin dạng đồng xu, có thể nuốt được. Luôn giữ pin ngoài tầm với của trẻ em!



Chăm sóc sản phẩm của bạn

- Không nhét bất kỳ vật nào khác ngoài đĩa vào ngăn chứa đĩa.

- Không cho đĩa bị cong hoặc nứt vào ngăn chứa đĩa.
- Lấy đĩa ra khỏi ngăn chứa đĩa nếu bạn không dùng sản phẩm trong một thời gian dài.
- Chỉ sử dụng khăn lau vi sợi để lau sản phẩm.

Chăm sóc môi trường



Sản phẩm của bạn được thiết kế và sản xuất bằng các vật liệu và thành phần chất lượng cao, có thể tái chế và sử dụng lại.

Không được thải bỏ sản phẩm chung với rác thải sinh hoạt. Hãy tìm hiểu các quy định của địa phương về việc thu gom riêng các sản phẩm điện, điện tử và pin. Việc thải bỏ đúng cách các sản phẩm này sẽ giúp phòng tránh các hậu quả xấu có thể xảy ra cho môi trường và sức khỏe con người.

Sản phẩm của bạn chứa pin và không thể vứt bỏ cùng với rác sinh hoạt thông thường.

Hãy tìm hiểu các quy định của địa phương về việc thu gom riêng pin cũ. Việc thải bỏ pin cũ đúng cách sẽ giúp phòng tránh các hậu quả xấu có thể xảy ra cho môi trường và sức khỏe con người.

Vui lòng truy cập www.recycle.philips.com để biết thêm thông tin về trung tâm tái chế tại khu vực của bạn.

Tuân thủ



Đây là đồ dùng CLASS II có cách ly kép và không đi kèm với thiết bị bảo vệ nối đất.

Bản quyền



Be responsible
Respect copyrights

Sản phẩm này tích hợp công nghệ bảo vệ chống sao chép, được bảo vệ bởi bằng phát minh sáng chế và các quyền sở hữu trí tuệ khác của Hoa Kỳ của Rovi Corporation. Thao tác dịch ngược và tháo máy bị nghiêm cấm.

Thương hiệu

DIVX
ULTRA

VỀ VIDEO DIVX: DivX® là định dạng video kỹ thuật số do DivX, LLC, một công ty con của Rovi Corporation, tạo ra. Đây là thiết bị DivX Certified® chính thức phát video DivX. Truy cập divx.com để biết thêm thông tin và công cụ phần mềm để chuyển đổi các tệp của bạn thành video DivX.

VỀ DIVX VIDEO-ON-DEMAND: Thiết bị DivX Certified® này phải được đăng ký để phát phim DivX Video-on-Demand (VOD) do bạn mua.

Để lấy mã đăng ký của bạn, tìm phần DivX VOD tại menu cài đặt thiết bị. Vào vod.divx.com để biết thêm thông tin về cách hoàn thành thủ tục đăng ký của bạn.

DivX®, DivX Ultra®, DivX Certified® và các logo liên quan là các thương hiệu của Rovi Corporation hoặc các công ty con và được sử dụng theo giấy phép.

DivX Ultra® Certified để phát video DivX® với các tính năng nâng cao và nội dung cao cấp.

DOLBY
DIGITAL

Sản xuất theo giấy phép của Dolby Laboratories. Dolby và biểu tượng chữ D kép là các thương hiệu của Dolby Laboratories.



'DVD Video' là thương hiệu của DVD Format/Logo Licensing Corporation.

Language Code

Abkhazian	6566
Afar	6565
Afrikaans	6570
Amharic	6577
Arabic	6582
Armenian	7289
Assamese	6583
Avestan	6569
Aymara	6589
Azerhajani	6590
Bahasa Melayu	7783
Bashkir	6665
Belarusian	6669
Bengali	6678
Bihari	6672
Bislama	6673
Bokmål, Norwegian	7866
Bosanski	6683
Brezhoneg	6682
Bulgarian	6671
Burmese	7789
Castellano, Español	6983
Catalán	6765
Chamorro	6772
Chechen	6769
Chewa; Chichewa; Nyanja	7889
中文	9072
Chuang; Zhuang	9065
Church Slavic; Slavonic	6785
Chuvash	6786
Corsican	6779
Česky	6783
Dansk	6865
Deutsch	6869
Dzongkha	6890
English	6978
Esperanto	6979
Estonian	6984
Euskara	6985
Ελληνικά	6976
Farøese	7079
Français	7082
Frysk	7089
Fijian	7074
Gaelic; Scottish Gaelic	7168
Gallegan	7176
Georgian	7565
Gikuyu; Kikuyu	7573
Guarani	7178
Gujarati	7185
Hausa	7265
Herero	7290
Hindi	7273
Hiri Motu	7279
Hrvatski	6779
Ido	7379
Interlingua (International)	7365
Interlingue	7365
Inuktitut	7385

Inupiaq	7375
Irish	7165
Íslenska	7383
Italiano	7384
Ivrit	7269
Japanese	7465
Javanese	7486
Kalaallisut	7576
Kannada	7578
Kashmiri	7583
Kazakh	7575
Kernewek	7587
Khmer	7577
Kinyarwanda	8287
Kirghiz	7589
Komi	7586
Korean	7579
Kuanyama; Kwanyama	7574
Kurdish	7585
Lao	7679
Latina	7665
Latvian	7686
Letzeburgesch;	7666
Limburgan; Limburger	7673
Lingala	7678
Lithuanian	7684
Luxembourgish;	7666
Macedonian	7775
Malagasy	7771
Magyar	7285
Malayalam	7776
Maltese	7784
Manx	7186
Maori	7773
Marathi	7782
Marshallese	7772
Moldavian	7779
Mongolian	7778
Nauru	7865
Navaho; Navajo	7886
Ndebele, North	7868
Ndebele, South	7882
Ndonga	7871
Nederlands	7876
Nepali	7869
Norsk	7879
Northern Sami	8369
North Ndebele	7868
Norwegian Nynorsk;	7878
Occitan; Provençal	7967
Old Bulgarian; Old Slavonic	6785
Oriya	7982
Oromo	7977
Ossetian; Ossetic	7983
Pali	8073
Panjabi	8065
Persian	7065
Polski	8076
Português	8084

Pushto	8083
Russian	8285
Quechua	8185
Raeto-Romance	8277
Romanian	8279
Rundi	8278
Samoan	8377
Sango	8371
Sanskrit	8365
Sardinian	8367
Serbian	8382
Shona	8378
Shqip	8381
Sindhi	8368
Sinhalese	8373
Slovensky	8373
Slovenian	8376
Somali	8379
Sotho; Southern	8384
South Ndebele	7882
Sundanese	8385
Suomi	7073
Swahili	8387
Swati	8383
Svenska	8386
Tagalog	8476
Tahitian	8489
Tajik	8471
Tamil	8465
Tatar	8484
Telugu	8469
Thai	8472
Tibetan	6679
Tigrinya	8473
Tonga (Tonga Islands)	8479
Tsonga	8483
Tswana	8478
Türkçe	8482
Turkmen	8475
Twi	8487
Uighur	8571
Ukrainian	8575
Urdu	8582
Uzbek	8590
Vietnamese	8673
Volapuk	8679
Walloon	8765
Welsh	6789
Volof	8779
Xhosa	8872
Yiddish	8973
Yoruba	8979
Zulu	9085



Specifications are subject to change without notice
© 2012 Koninklijke Philips Electronics N.V.
All rights reserved.

DVP3000/3010_98_UM_V1.0

